TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Nhân;
2. Ông Lê Dũng Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2020, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST - HNGĐ ngày 07/5/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐST - HNGĐ ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Thùy D, sinh năm 1998; Nơi ĐKHKTT: Thôn T P, xã TN, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi làm việc hiện nay: 17/46 Ngõ 521 Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

Chị D vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn N M, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2020, tại bản tự khai ngày 07/5/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 01/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính cách, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng có cách nhìn nhận về cuộc sống khác nhau, từ đầu năm 2017 chị D đã bỏ về nhà bố

mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 26/12/2015. Ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị Thùy D kết hôn vào ngày 01/3/2016, Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm; Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã nhau, nên từ năm 2017 vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị D làm đơn ly hôn anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 26/12/2015. Ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng anh T

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị D là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hay cãi cọ nhau, chị D đã bỏ về bên ngoại sống từ năm 2017, vụ án Tòa án giải quyết cũng đã có thời gian dài cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ thông qua 03 phiên hòa giải nhưng không thành, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn mong muốn ly hôn; Hội đồng xét xử thấy rằng

tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương T1, sinh ngày 26/12/2015, chị D xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Phương T1 có ghi họ tên bố là anh Nguyễn Văn T, họ tên mẹ là chị Ngô Thị Thùy D, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Nguyễn Phương T1 là con chung của chị D và anh T. Chị D và anh T đều có mong muốn được nuôi con chung; Xét nguyện nguyện vọng nuôi con của hai bên là chính đáng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại anh T chưa có công việc và thu nhập ổn định, tại phiên tòa anh T cho rằng anh là lái xe thu nhập 20.000.000đ – 30.000.000đ/tháng (Hai mươi đến ba mươi triệu trên tháng) nhưng không cung cấp được tài liệu gì chứng minh về thu nhập của mình, chị D là giáo viên mầm non có thu nhập 20.000.000đ/tháng (Hai mươi triệu đồng /tháng), hiện tại sau khi ly thân cháu T1 vẫn do chị D chăm sóc nuôi dưỡng, có nơi ăn ở ổn định; Hơn nữa cháu T1 là nữ giới giao con chung cho chị D sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T1 theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu T1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương T1, sinh ngày 26/12/2015 cho chị Ngô Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị Thùy D về việc anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Thùy D phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2017/0005710 ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Nhân **Lê Dũng Tấn** **Hoàng Văn Đạt**